

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	VẬN HÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ		
Mã học phần:	71INBU30013	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	242_71INBU30013_01_02_03		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Vận dụng kiến thức vận hành các hoạt động trong kinh doanh quốc tế phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp trong xu thế toàn cầu hóa.	Trắc nghiệm & Tự luận	25%	TN Câu 1-5; TL Câu1	2,5	PI 3.2
CLO3	Lý giải các vấn đề doanh nghiệp đang gặp phải thông qua các kiến thức chuyên sâu về vận hành các hoạt động trong kinh doanh quốc tế nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động.	Trắc nghiệm & Tự luận	25%	TN Câu 6-10; TL Câu1	2,5	PI 4.1

CLO4	Phối hợp các phương pháp thu thập thông tin để phục vụ việc phân tích, tổng hợp, đánh giá về hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp.	Trắc nghiệm & Tự luận	25%	TN Câu 11-15; TL Câu2	2,5	PI 5.1
CLO5	Vận dụng thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, triển khai, kiểm tra và đánh giá các hoạt động vận hành kinh doanh quốc tế thông qua việc áp dụng kiến thức đa ngành từ cốt lõi đến chuyên sâu.	Trắc nghiệm & Tự luận	25%	TN Câu 16-20; TL Câu2	2,5	PI 6.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu; 0,3 điểm/câu)

Lý do khiến các quốc gia phải sử dụng Thương mại đối lưu (countertrade) là _____.

- A. đồng tiền của họ không thể chuyển đổi hoặc dự trữ ngoại hối hạn chế
- B. họ muốn tránh các rủi ro về tỷ giá hối đoái
- C. họ có nhiều lựa chọn thanh toán khác nhưng muốn thử nghiệm countertrade
- D. chính phủ của họ cấm sử dụng tiền mặt trong thương mại quốc tế

ANSWER: A

Một trong những rào cản tài chính lớn nhất mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) gặp phải khi xuất khẩu là _____.

- A. thiếu vốn lưu động để tài trợ xuất khẩu
- B. thiếu nhân lực có kinh nghiệm trong xuất khẩu
- C. quy định nhập khẩu quá phức tạp
- D. sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty nước ngoài

ANSWER: A

Một công ty có công nghệ tiên tiến trong một lĩnh vực cụ thể có lợi thế gì trong các hợp đồng Chìa khóa trao tay (turnkey)?

- A. Ít cạnh tranh hơn vì công nghệ của họ là độc nhất
- B. Không cần quan tâm đến yếu tố giá cả khi đấu thầu
- C. Các quy định của chính phủ nước sở tại không áp dụng với họ
- D. Kinh nghiệm nào trong ngành là không cần thiết

ANSWER: A

Tại sao các hợp đồng quản lý (management contract) phổ biến trong ngành khách sạn?

- A. Vì chủ sở hữu bất động sản có vị trí tốt nhưng không có kinh nghiệm quản lý khách sạn
- B. Vì tất cả các khách sạn đều phải hoạt động theo hợp đồng quản lý quốc tế
- C. Vì các khách sạn luôn muốn giảm thiểu chi phí vận hành bằng cách không thuê quản lý

D. Vì khách sạn không thể hoạt động nếu không có hợp đồng quản lý từ một công ty lớn
ANSWER: A

Mục đích chính của việc sở hữu cổ phần trong Liên minh vốn (equity alliance) là _____.
A. củng cố hợp đồng hợp tác, khiến việc chấm dứt hợp đồng trở nên khó khăn hơn
B. đảm bảo công ty nắm cổ phần có quyền kiểm soát hoàn toàn hoạt động của đối tác
C. giúp các công ty hoàn toàn tránh được rủi ro tài chính trong hợp tác
D. loại bỏ tất cả các đối thủ cạnh tranh trên thị trường
 ANSWER: A

Một thách thức của MNE khi áp dụng Cấu trúc hỗn hợp (mixed structure) là _____.
A. có thể tạo ra sự phức tạp trong việc phối hợp giữa các bộ phận khác nhau
B. giúp tiêu chuẩn hóa hoạt động trên toàn công ty mà không cần thay đổi
C. giảm sự linh hoạt trong việc đáp ứng điều kiện thị trường
D. hạn chế khả năng thích ứng với chiến lược toàn cầu
 ANSWER: A

Một lợi ích chính của cấu trúc mạng lưới là _____.
A. giảm thiểu các quy tắc và quy trình để tránh tạo ranh giới không cần thiết
B. tăng cường quy trình quản lý nội bộ để kiểm soát nhân viên tốt hơn
C. hạn chế việc hợp tác với các công ty bên ngoài để đảm bảo tính bảo mật
D. duy trì quyền lực tập trung trong trụ sở chính để dễ dàng ra quyết định
 ANSWER: A

Điều phối bằng tiêu chuẩn hóa giúp giảm ảnh hưởng của những khác biệt về _____ trong môi trường làm việc?
A. văn hóa quốc gia
B. chi phí vận hành
C. cơ sở hạ tầng
D. trình độ chuyên môn
 ANSWER: A

Một lý do để các công ty sử dụng chiến lược Nguồn cung ứng toàn cầu (global sourcing) là _____.
A. tăng chất lượng sản phẩm
B. tăng uy tín cho nhà cung cấp
C. tăng chi phí sản xuất quốc tế
D. tăng độ tin cậy trong tồn kho
 ANSWER: A

Các công ty có thể kết hợp những chiến lược nào khi ra quyết định "make-or-buy"?
A. Thuê ngoài (outsourcing), Chuyển hoạt động ra nước ngoài (offshoring), và Chuỗi cung ứng (supply chaining)
B. Thuê ngoài (outsourcing) và Chuyển hoạt động ra nước ngoài (offshoring)
C. Thuê ngoài (outsourcing) và sản xuất nội bộ
D. Chuyển hoạt động ra nước ngoài (offshoring) và Chuỗi cung ứng (supply chaining)
 ANSWER: A

Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI - Electronic Data Interchange) là _____.

- A. hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử giữa các công ty
- B. hệ thống quản lý kho bãi nội bộ trong công ty
- C. phần mềm quản lý quan hệ khách hàng
- D. hệ thống thanh toán điện tử giữa các công ty

ANSWER: A

Trong chiến lược phân đoạn thị trường, yếu tố nào thường được sử dụng để xác định các nhóm khách hàng mục tiêu? _____.

- A. Nhân khẩu học
- B. Chi phí sản xuất
- C. Kênh phân phối
- D. Mức giá cạnh tranh

ANSWER: A

Hoạt động nào tạo ra sự thay đổi sản phẩm với chi phí thấp nhất?

- A. Thay đổi nhãn mác bao bì sản phẩm
- B. Thiết kế một mẫu ô tô hoàn toàn mới
- C. Giảm giá sản phẩm để tăng doanh số
- D. Tăng cường sản xuất hàng loạt

ANSWER: A

Trong bối cảnh quốc tế, _____ có thể giúp tiết kiệm chi phí quảng bá sản phẩm.

- A. thương hiệu được nhận diện ngay lập tức
- B. giá sản phẩm giảm đáng kể so với mức niêm yết
- C. sử dụng cùng một loại sản phẩm trên toàn cầu
- D. tăng cường sản xuất hàng loạt

ANSWER: A

Một thách thức mà các MNE gặp phải trong báo cáo tài chính là _____.

- A. sự khác biệt về tiêu chuẩn và thực hành kế toán giữa các quốc gia
- B. sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty trong cùng ngành
- C. khó khăn trong việc huy động vốn trên thị trường quốc tế
- D. sự thay đổi trong xu hướng tiêu dùng toàn cầu

ANSWER: A

Khi một công ty ghi nhận khoản phải thu bằng ngoại tệ nhưng chưa thu tiền, điều gì sẽ xảy ra nếu tỷ giá tăng vào cuối kỳ kế toán?

- A. Công ty ghi nhận một khoản lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá
- B. Công ty phải ghi nhận lỗ do chênh lệch tỷ giá
- C. Công ty không cần điều chỉnh sổ sách kế toán
- D. Công ty phải thay đổi giá trị hàng hóa đã bán

ANSWER: A

Rủi ro giao dịch (transaction exposure) xảy ra khi _____.

- A. công ty có khoản phải thu bằng ngoại tệ và tỷ giá thay đổi trước khi thanh toán
- B. công ty lập báo cáo tài chính bằng nhiều loại tiền tệ khác nhau
- C. công ty quyết định đầu tư vào một quốc gia có nền kinh tế bất ổn

D. công ty thay đổi chính sách giá bán đối với khách hàng quốc tế

ANSWER: A

Các công ty thường gửi nhân sự có năng lực kỹ thuật cao ra nước ngoài để _____.

- A. lấp đầy khoảng trống về kỹ năng quản lý và kỹ thuật tại các chi nhánh**
- B. đảm bảo rằng chi nhánh nước ngoài hoạt động theo mô hình của công ty mẹ**
- C. giảm chi phí tuyển dụng nhân sự địa phương**
- D. đào tạo nhân sự địa phương theo phong cách quản lý của công ty mẹ**

ANSWER: A

Theo Khung nhân sự Địa tâm (geocentric) thì mục tiêu chính của quản lý nguồn nhân lực quốc tế (IHRM) là _____.

- A. phát triển nhân tài có năng lực toàn cầu, không phân biệt nguồn gốc quốc gia**
- B. bảo đảm rằng tất cả nhân sự cấp cao đều đến từ công ty mẹ**
- C. hạn chế sự di chuyển của nhân sự giữa các quốc gia để tối ưu chi phí**
- D. chỉ sử dụng nhân sự từ các quốc gia có chi nhánh lâu đời của công ty**

ANSWER: A

Năng lực nào là quan trọng nhất của một nhân sự quốc tế?

- A. Tư duy toàn cầu (global mindset)**
- B. Kỹ năng chuyên môn (technical skills)**
- C. Kinh nghiệm quốc tế (prior global experience)**
- D. Kỹ năng ngôn ngữ (language skills)**

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu; 4,0 điểm)

Câu hỏi 1 (2,0 điểm):

Trình bày những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của một công ty đa quốc gia trong việc định giá sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Câu hỏi 2 (2,0 điểm):

Phân tích vai trò của Quản trị Nguồn nhân lực quốc tế trong một công ty đa quốc gia (MNEs).

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		6,0	
Câu 1 – 20		0,3 điểm/câu*20 câu = 6,0 điểm	
II. Tự luận		4,0	
Câu 1		2,0	
Yếu tố pháp lý:	- Chính phủ có thể áp đặt giá trần hoặc giá sàn đối với một số sản phẩm. - Quy định về thuế quan, thuế nhập khẩu có thể làm tăng giá bán lẻ.	0,5	
Sự đa dạng của thị trường:	- Mức thu nhập và sức mua của khách hàng khác nhau giữa các quốc gia. - Văn hóa tiêu dùng ảnh hưởng đến khả năng chấp nhận giá cả.	0,5	
Chi phí sản xuất và logistics:	- Chi phí vận chuyển, lưu kho, và phân phối có thể làm tăng giá thành. - Biến động tiền tệ có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu và xuất khẩu.	0,5	
Chiến lược cạnh tranh:	- Công ty có thể áp dụng chiến lược giá thâm nhập (penetration pricing) để chiếm lĩnh thị trường. - Chiến lược giá hót váng (skimming pricing) có thể được áp dụng với các sản phẩm công nghệ cao.	0,5	
Câu 2		2,0	
Quản trị Nguồn nhân lực quốc tế:	- Quản lý Nguồn nhân lực quốc tế (International Human Resource Management - IHRM) là hệ thống quản lý con người trong các tập đoàn đa quốc gia, nhằm tối ưu hóa hiệu suất cá nhân và tổ chức.	1,0	

Vai trò của IHRM:	- Tuyển dụng và quản lý nhân sự: Đảm bảo bố trí đúng người vào đúng vị trí phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. - Đào tạo và phát triển: Hỗ trợ nhân viên phát triển kỹ năng để đáp ứng yêu cầu của môi trường kinh doanh quốc tế. - Đánh giá và khen thưởng: Thiết lập hệ thống đánh giá hiệu suất và chính sách đãi ngộ hợp lý. - Hỗ trợ nhân viên nước ngoài: Đảm bảo sự thích nghi và thành công của nhân viên làm việc tại nước ngoài. - Quản lý sự đa dạng văn hóa: Điều phối nhân sự từ nhiều quốc gia, đảm bảo sự hòa hợp trong công việc. - Chiến lược nhân sự toàn cầu: Hỗ trợ chiến lược dài hạn của MNEs, tăng tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế.	1,0	
	Điểm tổng	10,0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03. năm 2025

Người duyệt đề



TS. Hoàng Chí Cương

Giảng viên ra đề



ThS. Vũ Trần Anh